TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27- 6- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Chỗ hiện nay: 83/20 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Ông T yêu cầu vắng mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 1999, ông T và bà Nguyễn Thị N được gia đình tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (Giấy chứng nhận kết hôn số 176, ngày 28/12/2002). Nguyên nhân mâu thuẫn: do thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, không có tiếng nói chung, đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị N. Vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 23/5/2000 và Ngô Văn T1, sinh ngày 24/8/2002 đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu

giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Ngô Văn L (cha ruột của ông T) cho biết: Vợ chồng T – Nhan sau khi cưới nhau thì sống chung gia đình ông, đến năm 2016 cùng lên thành phố B để mưu sinh, quá trình chung sống thường cãi nhau về chuyện tiền bạc, không còn chung sống từ năm 2021 đến nay, có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 23/5/2000 và Ngô Văn T2, sinh ngày 24/8/2002 đã thành niên và lao động được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà N. Về con chung: đã thành niên và lao động được nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, do con đã thành niên nen không tranh chấp, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn bà N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Ông T và bà N có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng ông T bà N thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau về tiền bạc, không tìm được tiếng nói chung và không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Tòa án đã triệu tập bà N để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà N đều không đến, ông T cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 23/5/2000 và Ngô Văn T1, sinh ngày 24/8/2002 đã thành niên và lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Ngô Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006747 ngày 14/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T.

1. Về hôn nhân: ông Ngô Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 23/5/2000 và Ngô Văn T1, sinh ngày 24/8/2002 hiện đã thành niên và lao động được nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Ngô Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006747 ngày 14/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.